

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC TRỌNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/DS-ST

Ngày : 12 - 5 - 2020

V/v: “Đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC TRỌNG, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Vương

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Đình Phi

- Ông Cao Đình Nhân

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Anh Vinh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đức Trọng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa có ông **Phạm Văn Bả**ng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 337/2019/TLDS-ST ngày 21 tháng 10 năm 2019 về việc “Đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2020/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2020 và thông báo mở phiên tòa số 28/TB-TA ngày 24/4/2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Đào Thị T, sinh năm 1976

Trú tại: số G đường T, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng

*** Bị đơn:** Vợ chồng ông Tạ T1, bà Ngô Thị S

Trú tại: số K đường P, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng

Người làm chứng: Bà Trần Thị Hồng H, sinh năm 1966. Trú tại: Số A đường N, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (có mặt)

(Bà T có mặt; vợ chồng ông T1, bà S vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện và lời trình bà Đào Thị T** thì bà quen biết vợ chồng ông Tạ T1, bà Ngô Thị S thông qua sự giới thiệu của bà Trần Thị Hồng H và ngày 24/10/2010 vợ chồng ông T1, bà S có vay của bà số tiền 50.000.000đồng. Khi vay hai bên thỏa thuận miệng với nhau lãi suất 1.000đồng/1.000.000đồng/ngày, thời hạn vay từ ngày 24/10/2010 đến ngày 24/6/2011. Việc vay nợ có viết giấy vay có chữ ký của vợ chồng ông T1, bà S và bà đã giao tiền cho vợ chồng ông T1, bà S tại nhà của bà có bà Trần Thị Hồng H chứng kiến.

Quá trình vay nợ đến hạn bà đã đòi nhiều lần nhưng vợ chồng ông T1, bà S chưa trả khoản gốc và lãi cho bà gì cả. Nay bà yêu cầu vợ chồng ông T1, bà S trả cho bà số tiền 50.000.000đồng nợ gốc. Ngoài ra không trình bày gì thêm.

*** Bị đơn là vợ chồng ông Tạ T1, bà Ngô Thị S** đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần đến Tòa án để làm việc; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải nhưng vợ chồng ông T1, bà S vắng mặt.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày 31/12/2019 và ngày 06/01/2020 nhưng vợ chồng ông T1, bà S vắng mặt, bà Đào Thị T có mặt và đã cung cấp các tài liệu chứng cứ như sau: *01 giấy vay tiền ghi ngày 24/10/2010 có nội dung thể hiện bà Ngô Thị S, ông Tạ T1 có vay của bà Đào Thị T 50.000.000đồng (bản chính có thể hiện chữ ký của ông Tạ T1, bà Ngô Thị S), 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Đào Thị T (bản photo đã đối chiếu bản chính).*

Tại phiên tòa hôm nay vợ chồng ông T1, bà S tiếp tục vắng mặt mặc dù đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai, bà Đào Thị T có mặt và vẫn giữ nguyên ý kiến như trong đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Tạ T1, bà Ngô Thị S có nghĩa vụ trả 50.000.000đồng.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa trình bày ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng pháp luật; việc chấp hành pháp luật tố tụng của các đương sự tham gia tố tụng và có ý kiến quan điểm đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xuất phát từ việc bà Đào Thị T khởi kiện cho rằng vào ngày 24/10/2010 vợ chồng ông Tạ T1, bà Ngô Thị S có vay của bà số tiền 50.000.000đồng, hạn đến ngày 24/6/2011 trả nợ nhưng đến nay chưa trả và hiện còn nợ bà 50.000.000đồng nợ gốc nên khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông T1, bà S trả nợ. Do vậy căn cứ khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là vụ án kiện “Đòi lại tài sản” giữa nguyên đơn là bà Đào Thị T và bị đơn là vợ chồng ông Tạ T1, bà Ngô Thị S. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay vợ chồng ông Tạ T1, bà Ngô Thị S vắng mặt mặc dù đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai, vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt vợ chồng ông T1, bà S là hoàn toàn có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định: giữa bà Đào Thị T và vợ chồng ông Tạ T1, bà Ngô Thị S có quan hệ giao dịch vay tiền lẫn nhau. Theo đó vào ngày 24/10/2010 bà T đã cho vợ chồng ông T1, bà S vay 50.000.000đồng, thời hạn vay 08 tháng từ ngày 24/10/2010 đến ngày 24/6/2011, giấy vay tiền có chữ ký xác nhận của vợ chồng ông T1, bà S. Vợ chồng ông T1, bà S đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến Tòa án để làm việc, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không lý do. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ cho vợ chồng ông Trung, bà Sương biết nhưng không có ý kiến gì. Như vậy vợ chồng ông T1, bà S đã tự từ bỏ quyền trình bày, quyền phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị T đối với mình. Do vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc vợ chồng ông T1, bà S có trách nhiệm trả số tiền 50.000.000đồng cho bà T là hoàn toàn có cơ sở, đúng pháp luật.

[4] Về án phí: do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 166, Điều 357 Bộ luật dân sự.
- Căn cứ khoản 2, 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: 1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Đòi lại tài sản” của nguyên đơn là bà Đào Thị T. Buộc vợ chồng ông Tạ T1, bà Ngô Thị S có trách nhiệm trả cho bà Đào Thị T số tiền 50.000.000đồng (Năm mươi triệu đồng).

2/ Về án phí: Buộc vợ chồng ông Tạ T1, bà Ngô Thị S phải chịu 2.500.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Đào Thị T 1.250.000đồng tiền tạm ứng án phí theo phiếu thu số 0013869 ngày 21/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Trọng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án khi án có hiệu lực pháp luật, nếu người phải thi hành án không trả hết số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại các Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bà T có quyền kháng cáo; riêng vợ chồng ông T1, bà S vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Lâm Đồng
- VKSND huyện
- Chi cục THADS huyện
- Các đương sự.
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Đăng Vương

